TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẤN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẤN YÊN,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Thu
2. Ông Nguyễn Đức Khâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thuỷ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 22-5-2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-7-2024, và Quyết định hoãn phiên toà số 35/QĐST-HNGĐ ngày 15-8-2024, Thông báo mở lại phiên toà số 20/TB-TA ngày 21-8-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1990. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 28-9-2020. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có con chung mặc dù đã chữa trị nhiều lần, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Do không thể chung sống với nhau

được, chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở sống ly thân anh S từ cuối tháng 2 năm 2024 đến nay, anh chị không ai còn quan tâm đến nhau. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, tuy nhiên bị đơn chị Nguyễn Thị P không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị P và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương cho biết chị Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã Đ, huyện T, nhưng không thường xuyên có mặt ở địa phương, đi đâu, làm gì ở đâu chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị P.
- Về con chung: Không có.
- Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
- Về quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị P có địa chỉ tại: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn S thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, anh Trần Văn S vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 28-9-2020 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh S là do do hai vợ chồng không có con chung mặc dù đã chữa trị nhiều nơi, từ đó hay phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, đến cuối tháng 2 năm 2024 cô P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị P. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn chị P không đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Toà án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh S, chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Không có.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do chị P chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Anh Trần Văn S phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm của Kiểm sát viên đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001539 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 22-5-2024.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Huyện T, tỉnh Yên Bái do thiên tai lũ lụt, nên việc phát hành bản án bị chậm theo quy định).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Đào Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Phương